

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 02 -6 - 2022

V/v: "Tranh chấp hôn nhân
và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bắc

2. Ông Lê Văn Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chuyên - Kiểm sát viên Trung cấp.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ nguyên đơn bà Hoàng Thị Điều trình bày:

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn H vào ngày 31 tháng 10 năm 2000, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến cuộc sống chung vợ chồng, hai bên có được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Sơn Động; sau ngày cưới bà về gia đình ông H ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Xảy ra từ giữa năm 2005, do bà và ông H không hợp nhau, bất đồng về quan điểm lối sống, không thể thống nhất với nhau

trong việc làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau nhiều lần. Bà và ông H đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2010 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Nguyễn Văn H được ly hôn nhau.

b) Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh năm 2001 và cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 2003; hiện các cháu đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c) Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày lời khai trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Hoàng Thị Đ vào ngày tháng không nhớ năm 2000. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Sau ngày cưới bà Điều về ở cùng với ông luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Ông và bà Đ không có mâu thuẫn gì cả, bà Đ có đi làm ăn từ năm 2008 thì thoảng mới về thăm gia đình, từ năm 2018 cho đến nay bà Đ lại không về chung sống cùng ông và gia đình nữa.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bà Đ ly hôn nhau ông không đồng ý.

b) Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh năm 2001 và cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 2003; hiện các cháu đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c) Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Kiểm sát viên phát biểu về tố tụng và về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt tại phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 91, khoản 4 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hoàng Thị Đ và ông Nguyễn Văn H được ly hôn nhau.

Về con chung, tài sản: Không đặt ra xem xét, giải quyết

Về án phí: Bà Hoàng Thị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Thị Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H, hiện bị đơn ông H đang cư trú tại huyện Sơn Động. Xét đây là vụ án “tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà; do đó Tòa án xét xử vắng mặt bà Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông H vẫn vắng mặt tại phiên toà; do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

a) *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn bà Hoàng Thị Đ, bị đơn ông Nguyễn Văn H, những tài liệu, chứng cứ do các bên xuất trình và do Tòa án thu thập thì có cơ sở xác định: Bà Hoàng Thị Đ kết hôn với ông Nguyễn Văn H vào tháng 10 năm 2000, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến cuộc sống chung vợ chồng, hai bên có được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Sơn Động số 17 ngày 31/10/2000; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông H là hợp pháp.

Quá trình chung sống thì mâu thuẫn xảy ra từ năm 2005, do bà Đ và ông H không hợp nhau, bất đồng về quan điểm lối sống, không thể thống nhất với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế; bà Đ và ông H đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2010 đến nay không ở chung cùng nhau nữa. Nay bà Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông H được ly hôn nhau; ông H không đồng ý ly hôn, ông H muốn vợ chồng sống đoàn tụ gia đình.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình*”.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ với ông H đã sống ly thân một thời gian dài mà không đoàn tụ được, hai bên không còn thương yêu chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc đến nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, cho bà Hoàng Thị Đ và ông Nguyễn Văn H được ly hôn nhau theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

b) *Về con chung*: Ông H, bà Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh năm 2001 và cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 2003; hiện các cháu đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

c) *Về tài sản chung*: Bà Đ, ông H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử đặt ra không xem xét, giải quyết.

d) *Về án phí*: Bà Hoàng Thị Đ thuộc hộ cận nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hoàng Thị Đ và ông Nguyễn Văn H được ly hôn nhau.

[2] Về án phí: Bà Hoàng Thị Đ được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; Hoàn trả bà Hoàng Thị Đ số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0015310 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Án xử sơ thẩm; Báo cho đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã C;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Toàn